

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM-ST

Ngày: 21/7/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HOÁ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Văn Ký

2/ Bà Nguyễn Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Nhận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thành - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2020/TLST - KDTM ngày 09 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp: Hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST - KDTM ngày 09 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Ng

Địa chỉ: Số 02 Láng H, phường Th, quận B, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh - Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Anh T - Giám đốc Ngân hàng Ng - Chi nhánh huyện H - Bắc Thanh Hóa. (Theo giấy ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014).

2. Bị đơn: Công ty TX

Địa chỉ: Tiểu khu 5, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tất Th - Sinh năm 1971

Chỗ ở hiện tại: Lô BT 73 MB 1876, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa
- Là: Giám đốc công ty.

Tại phiên tòa có mặt ông T; vắng mặt ông Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2019 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Phạm Anh T trình bày:

Công ty TX có địa chỉ trụ sở: tiểu khu 5, thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa là khách hàng vay vốn tại Ngân hàng Ng, chi nhánh huyện Hà Trung tỉnh Thanh Hóa (Nay là Agribank chi nhánh huyện Hà Trung, Bắc Thanh Hóa).

Ngày 19/5/2006 Agribank chi nhánh huyện H, Bắc Thanh Hóa và Công ty TX đã ký hợp đồng tín dụng số: CT5105/HĐTD, theo đó Agribank chi nhánh huyện Hà Trung, Bắc Thanh Hóa đồng ý cho Công ty TX vay vốn với hạn mức cho vay là 1.800.000.000đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng chẵn), thời hạn hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích cho vay để xây dựng các công trình giao thông thủy lợi.

Trên cơ sở Hợp đồng tín dụng, Công ty TX lập giấy đề nghị vay vốn và giấy nhận nợ vay ngày 19/5/2006 với số tiền 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng) thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 20/4/2007, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm nhận nợ là 1,1%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 1,65%/tháng, mục đích sử dụng tiền vay là xây dựng công trình bản trắc và kè bãi biển Hoàng gia.

Từ ngày 10/8/2007 đến ngày 27/01/2011 Công ty TX đã thực hiện trả nợ gốc 07 (bảy) lần, số tiền đã trả gốc là 829.500.000đồng (Tám trăm hai mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng).

Từ ngày nhận nợ (19/5/2006) đến nay Công ty TX chưa trả khoản tiền lãi (trong hạn và quá hạn) của khoản nợ trên cho Agribank (do Công ty có nợ quá hạn nên đề nghị thu gốc trước thu lãi sau). Theo hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ ngày 19/5/2006 ngày trả nợ cuối cùng là ngày 20/4/2007. Do Công ty TX không trả hết nợ nên từ ngày 21/4/2007 số tiền nợ chuyển sang nợ quá hạn (vi phạm Điều 2 của Hợp đồng tín dụng) và được tính theo lãi suất quá hạn.

Tính đến nay là ngày 21/7/2020 Công ty TX còn nợ các khoản như sau: Tiền nợ gốc: 970.500.000đồng; tiền nợ lãi trong hạn (từ ngày 19/5/2006 đến ngày 20/4/2007) là: 221.760.000đồng; tiền nợ lãi quá hạn (từ ngày 21/4/2007 đến ngày 21/7/2020) là: 2.949.134.925đồng. Tổng cộng là: 4.141.394.925đồng.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số: CT5105/HĐTD ngày 19/05/2006 Công ty TX dùng tài sản bảo lãnh là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Tất Th để bảo lãnh và tài sản của Công ty TX là máy móc thiết bị để cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo đảm, cụ thể:

- Hợp đồng bảo lãnh là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CT5105 ngày 17/03/2006 được Ủy ban nhân dân thị trấn Hà Trung huyện Hà Trung tỉnh Thanh Hóa chứng nhận đăng ký bảo lãnh ngày 10/5/2006, theo đó ông Nguyễn Tất Th cam kết dùng 02 (Hai) tài sản là 02 (Hai) quyền sử dụng đất và tài sản gắn

liên với đất để bảo lãnh cho Công ty TX vay vốn, giá trị tài sản khi ký hợp đồng bảo lãnh được hai bên xác định là 800.000.000đồng phạm vi được bảo đảm là 540.000.000đồng (Năm trăm bốn mươi triệu đồng).

Trên cơ sở thông báo và yêu cầu của Ngân hàng, bên bảo lãnh đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TX để rút tài sản bảo đảm tương ứng mà các bên đã ký. Sau khi thực hiện xử lý tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản tiền ký cam kết, ngày 28/5/2010 hai bên tiến hành bàn giao tài sản bảo đảm. Nên đối với tài sản bảo đảm này đã được xử lý nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngoài ra để được vay vốn không đảm bảo bằng tài sản theo Nghị định 178/1999/NĐ-CP ngày 29/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ về đảm bảo tiền vay của các tổ chức tín dụng và Thông tư 06/TT-NHNN ngày 04/04/2000 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện Nghị định 178/1999/NĐ-CP ngày 29/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ về đảm bảo tiền vay của các tổ chức tín dụng Công ty TX còn cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng các tài sản là máy móc phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và thi công công trình của Công ty giá trị 1.505.000.000đồng (Một tỷ năm trăm linh năm triệu đồng) để đảm bảo cho khoản vay nêu trên gồm:

TT	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị (Đồng)
1	Máy đào Hitachi	1	357.143.000
2	Máy ủi Kobekosk	1	123.810.000
3	Máy xúc nhật	1	380.952.000
4	Xe ô tô tự đổ	1	148.000.000
5	Xe ô tô con	1	586.936.000
6	Máy trộn bê tông	6	102.000.000
7	Dàn máy vi tính	28	140.000.000
Tổng cộng		39	1.505.000.000

Các tài sản trên đều thuộc nhóm tài sản phục vụ cho thi công công trình nên Công ty TX không thực hiện việc đăng ký quyền sở hữu, không đủ điều kiện làm hồ sơ thế chấp theo quy định nên chỉ được dùng là tài sản cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản khi Công ty không trả được nợ và đã được UBND thị trấn huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xác nhận ngày 10/5/2006. Do không phải là tài sản thế chấp, nên chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay Agribank đề nghị Tòa án huyện Hà Trung tuyên buộc như sau:

1. Buộc Công ty TX phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Agribank toàn bộ số tiền tính đến hết ngày 21/7/2020 là: 4.141.394.925đồng. Trong đó gồm:

- Nợ gốc: 970.500.000đồng.

- Nợ lãi trong hạn: 221.760.000đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 2.949.134.925đồng.

2. Buộc Công ty TX phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại đồng tín dụng số: CT5105/HĐTD ngày 19/05/2006 và giấy nhận nợ ngày 19/5/2007, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế Công ty TX trả hết nợ gốc cho Agribank.

* Đối với đại diện Công ty TX, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập đến làm việc nhưng ông Nguyễn Tất Th là Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc công ty đều không có mặt. Nên không có ý kiến nguyên vọng của Công ty.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Trong quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ quy định của pháp luật, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc Công ty TX phải trả toàn bộ số tiền cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu, các bên không thỏa thuận với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là Công ty TX, người đại diện theo pháp luật không có mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục và phiên tòa cũng được hoãn lần thứ nhất. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt Công ty TX.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng Ng với Công ty TX với mục đích bổ sung vốn xây dựng các công trình giao thông thủy lợi. Hợp đồng được ký kết giữa các bên hoàn toàn tự nguyện, đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, do vậy khi phát sinh tranh chấp Tòa án nhân dân huyện Hà Trung giải quyết là theo đúng thẩm quyền (khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự).

[3]. Về nội dung: Hợp đồng vay vốn được các bên ký kết theo đúng quy định của pháp luật, nội dung các điều khoản cam kết trong hợp đồng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng của các bên được pháp luật cho phép.

Sau khi nhận tiền vay, Công ty TX không trả số tiền nợ theo thỏa thuận, nhiều lần Agribank có văn bản đòi nợ nhưng Công ty TX vẫn không trả hết nợ cho Agribank. Nên Agribank yêu cầu giải quyết là đúng pháp luật.

Tại công văn số 257/CV-ĐKKD ngày 09/10/2019 của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa cho biết, Công ty TX đang hoạt động, chưa đăng ký giải thể, tạm ngừng hoạt động với cơ quan đăng ký kinh doanh. Hiện tại chưa đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh (BL 71).

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện: Quá trình thực hiện hợp đồng và số tiền vay: Trên cơ sở giấy đề nghị vay vốn, Công ty TX đã được Ngân hàng Agribank cho vay 1.800.000.000đồng, được giải ngân 01 lần, thể hiện tại giấy nhận nợ ngày 19/5/2006 kèm theo hợp đồng tín dụng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 20/4/2007. Mức lãi suất trong hạn 1,1%/tháng, mức lãi suất quá hạn là 1,65%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về thực hiện hợp đồng và số tiền phải trả:

Theo hợp đồng, giấy nhận nợ và bảng kê tính lãi, Công ty TX đã trả nợ từ ngày 10/8/2007 đến ngày 27/01/2011 được là: Tiền nợ gốc: 829.500.000đồng, tiền lãi trong hạn: 0 đồng, lãi quá hạn: 0 đồng.

Theo điều 2 HĐTD bên vay trả lãi tính từ ngày vay đến ngày trả nợ hoặc trả lãi tiền vay cùng với kỳ trả nợ gốc. Lãi xuất quá hạn là khi đến kỳ trả nợ hoặc kết thúc thời hạn cho vay nếu bên vay không trả đúng hạn gốc, lãi thì sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn. Như vậy bắt đầu từ ngày 21/4/2007 (theo giấy nhận nợ, ngày trả nợ cuối cùng 20/4/2007) Công ty TX đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do vậy thời điểm tính lãi quá hạn cũng được tính từ ngày tiếp theo vi phạm 21/4/2007.

Đến nay Công ty TX còn nợ gồm: Nợ gốc: 970.500.000đồng, Nợ lãi trong hạn: 221.760.000đồng, Nợ lãi quá hạn: 2.949.134.925đồng. Tổng cộng: 4.141.394.925đồng. HĐXX thấy rằng:

- Đối với số tiền nợ gốc do Công ty TX đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, quá trình trả nợ gốc Công ty đã trả được 829.500.000đồng (từ ngày 10/8/2007 đến ngày 27/01/2011) hiện nay còn nợ 970.500.000đồng, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, lập biên bản làm việc nhưng Công ty không trả nên cần buộc Công ty TX phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 970.500.000đồng.

- Đối với số tiền nợ lãi thì thấy rằng, bên vay trả lãi tính từ ngày vay đến ngày trả nợ hoặc trả lãi tiền vay cùng với kỳ trả nợ gốc. Lãi xuất quá hạn là khi đến kỳ trả nợ hoặc kết thúc thời hạn cho vay nếu bên vay không trả đúng hạn gốc, lãi thì sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn.

Đối với lãi trong hạn: Theo giấy nhận nợ ngày 19/5/2006 Công ty TX nhận tiền vay 1.800.000.000đồng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 20/4/2007. Do vậy thời gian

này được tính là lãi trong hạn với mức lãi suất 1,1%/tháng, nhưng trong thời gian này Công ty không trả được khoản tiền lãi trong hạn nào. Tính từ ngày 19/5/2006 đến ngày 20/4/2007 số tiền lãi trong hạn là: 221.760.000đồng (336 ngày x 1,1% x 1.800.000.000đồng).

Đối với lãi quá hạn: Theo hợp đồng nếu quá hạn, mức lãi suất bằng 1,65%/tháng. Do đã quá hạn theo giấy nhận nợ nên vào 21/4/2007 là ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ vì không trả đủ số tiền, nên đã phát sinh lãi quá hạn từ 21/4/2007, do Công ty đã trả từ ngày 10/8/2007 đến ngày 27/01/2011 được số tiền gốc là: 829.500.000đồng, nên số tiền lãi quá hạn cũng được tính theo số tiền nợ gốc còn lại theo từng thời điểm mà Công ty trả nợ gốc. Tính từ ngày 21/4/2007 đến 21/7/2020 Công ty còn nợ số tiền lãi quá hạn là: 2.949.134.925đồng.

Tổng cộng, Công ty TX còn nợ là: 4.141.394.925đồng; trong đó nợ tiền gốc: 970.500.000đồng, Nợ lãi trong hạn: 221.760.000đồng, Nợ lãi quá hạn: 2.949.134.925đồng.

Như vậy, tính đến nay ngày 21/7/2020 Công ty TX còn nợ số tiền là: 4.141.394.925đồng theo hợp đồng tín dụng số CT 5105/HĐTD ngày 19/5/2006 và giấy nhận nợ ngày 19/5/2006. Xét thấy, đây là yêu cầu thực tế và phù hợp với thỏa thuận đã ký kết giữa các bên, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận yêu cầu và buộc Công ty TX phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ khoản tiền trên.

Đối với tài sản thế chấp và tài sản bảo đảm: Đã được xử lý và Ngân hàng không yêu cầu giải quyết. Nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là Công ty TX phải chịu toàn bộ án phí KDTM sơ thẩm là: 112.141.394đ.

Ngân hàng Agribank không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 56.024.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Ng.

Buộc Công ty TX phải trả cho Ngân hàng Ng số tiền nợ đến ngày 21/7/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 4.141.394.925đồng; Trong đó tiền nợ tiền gốc: 970.500.000đồng, Nợ lãi trong hạn: 221.760.000đồng, Nợ lãi quá hạn: 2.949.134.925đồng.

Công ty TX tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/7/2020 đối với khoản nợ gốc còn lại cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, theo mức lãi xuất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số CT 5105/HĐTD ngày 19/5/2006 và giấy nhận nợ ngày 19/5/2006.

2. Về án phí:

- Công ty TX phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 112.141.394 đồng.

- Trả lại cho Ngân hàng Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.024.000 đồng theo biên lai thu số 0009080 ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, đối với nguyên đơn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với bị đơn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hoàng Ngọc Tuấn

